

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NAM TỪ LIÊM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **13/2017/KDTM-ST**

Ngày: 16/11/2017

V/v: *Tranh chấp phát sinh từ
hợp đồng tín dụng*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Sơn Hà;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quốc Sơn và bà Trần Thị Oanh

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Kim Yến, Thư ký Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Dương, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2016/TLST-KDTM ngày 24 tháng 10 năm 2016 về việc: *"Tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2017/QĐXXST ngày 06 tháng 9 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 86/2017/QĐST-HPT ngày 25 tháng 9 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 97/2017/QĐST-HPT ngày 24 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng A

Địa chỉ: Số 35 B, phường C, quận D, E.

Người đại diện theo pháp luật: Ông F– Tổng giám đốc (Theo Quyết định số 007/QĐ-HĐQT ngày 01/5/2012 của Ngân hàng A về việc bổ nhiệm tổng giám đốc)

Đại diện theo ủy quyền của ông F: Ông G – Giám đốc Ngân hàng A, chi nhánh P (Theo Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 2062/QĐ-PC ngày 20/12/2012 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng A).

Ông G ủy quyền cho ông H (sinh năm 1990) - Chuyên viên phòng khách hàng doanh nghiệp vốn. Địa chỉ: số 29, ngách 25 ngõ I, phường I, quận J, E. (Theo Giấy ủy quyền số 1373/BIDV.BHN-KHDN1 ngày 26/10/2016). *Có mặt tại phiên tòa.*

Bị đơn: Công ty cổ phần K

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà L, phường M, quận N, Thành phố E.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Pênh Khiêng – Giám đốc Công ty.

Vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 29/7/2016 và các lời khai tại Tòa án đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng A, chi nhánh P (sau đây gọi tắt là “P”) và Công ty cổ phần K (sau đây gọi tắt là K”) đã ký Hợp đồng tín dụng số 150/2006/953 ngày 14/7/2006 và các Phụ lục kèm theo với số tiền vay tối đa là 16.000.000.000 đồng nhưng không quá 70% tổng giá trị dự án, thời hạn vay vốn là 60 tháng với mục đích vay vốn là P tài trợ vốn cho K đầu tư mua máy móc phục vụ dự án “đầu tư máy, thiết bị nâng cao năng lực thi công: Khoan nổ, bốc xúc và vận chuyển đất đá” với các loại tài sản cụ thể:

*** Loại tài sản**

- 01 máy ủi bánh xích nhãn hiệu Caterpillar (theo tờ khai nhập khẩu số 470/NK/KD ngày 02/5/2007), số khung BMK 00554, số máy 4ZF 24178

- 01 chiếc máy đào thủy lực nhãn hiệu Caterpillar (theo hóa đơn VAT số 0242211 ngày 04/5/2007), số khung: CAT 320CCLGNG 02806, số máy: MAE02055.

- 01 chiếc máy xúc đào Komatsu (theo hóa đơn VAT số 0054477 ngày 04/5/2007), số khung: 74684, số động cơ: 6D102-26403805)

- 02 chiếc máy khoan thủy lực Furukawa HCR 1200-DS sử dụng cần T45 (theo hóa đơn số 0010750 ngày 30/5/2007, hóa đơn số 0013207 ngày 18/6/2007), model: HCR 1200-DS, số seri: 231110, số seri 2311105

- 01 máy đo toàn đạc điện tử nhãn hiệu Sẻ 530R (theo hóa đơn số 0020805 ngày 04/7/2007), số máy 155745

- 01 máy đào bánh lốp gầu nghịch nhãn hiệu SOLAR (theo tờ khai hải quan số 6457/NK/KD ngày 19/7/2007), số khung: 65003731, số máy 609905

- 01 máy đào CAT nhãn hiệu Caterpillar (theo tờ khai số 4838 ngày 26/6/2007), số khung: BWY00130, số máy: MHX00944

- 01 chiếc ô tô tải Ben nhãn hiệu CNHTC, đăng ký ô tô tải số: 29LD-4306 do Công an E cấp ngày 26/7/2007, số khung: 144648, số máy: 07051720257

- 01 ô tô tải Ben nhãn hiệu CNHTC, đăng ký xe ô tô tải số 29LD-4406 do Công an E cấp ngày 26/7/2007, số khung: 144646, số máy: 07051713867

- 01 ô tô tải Ben nhãn hiệu CNHTC, đăng ký xe ô tô tải số: 29LD-4258 do Công an E cấp ngày 26/7/2007, số khung: 144647, số máy: 07051718457

- 01 ô tô tải Ben nhãn hiệu CNHTC, đăng ký xe ô tô tải số: 29LD-4273 do Công an E cấp ngày 26/7/2007, số khung: 144645, số máy: 07051713987

- 01 ô tô tải Ben nhãn hiệu CNHTC, đăng ký xe ô tô tải số: 29LD-4382 do Công an E cấp ngày 26/7/2007, số khung: 144644, số máy: 07051718337

Tất cả những tài sản nói trên đều được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Trung tâm đăng ký giao dịch đảm bảo tại E ngày 02/10/2007.

*** Thông tin về khoản vay**

Thông tin khoản vay và tài sản bảo đảm:

- Hợp đồng tín dụng số 150/2006/953 ngày 14/7/2006 được ký giữa P và K, các thông tin cơ bản của khoản vay:

+ Chứng từ nhận nợ: Theo các Bảng kê rút vốn (gửi kèm)

+ Số tiền cho vay theo hợp đồng tối đa là 16.000.000.000 đồng nhưng không quá 70% tổng giá trị dự án.

+ Số tiền giải ngân thực tế: 15.533.630.560 đồng

+ Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên của bên vay.

+ Mục đích vay vốn: đầu tư mua máy móc phục vụ dự án “đầu tư máy, thiết bị nâng cao năng lực thi công: Khoan nổ, bốc xúc và vận chuyển đất đá” theo các tài sản cụ thể đã trình bày ở mục “Loại tài sản” ở phần trên.

- Hợp đồng bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay số 567323; Số đăng ký tại ngân hàng: 2006/953/HĐTC ngày 14/7/2006 giữa P và K đã được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Trung tâm đăng ký giao dịch đảm bảo tại E đối với các tài sản được liệt kê tại mục “Loại tài sản” ở phần trên.

Giá trị tài sản thế chấp tại thời điểm cho vay: 24.935.000.000 đồng (Hai mươi bốn tỷ, chín trăm ba mươi lăm triệu đồng)

Tình trạng khoản vay:

K đã đề nghị giải ngân và được P cấp tín dụng theo đúng Hợp đồng tín dụng đã ký kết với số tiền giải ngân thực tế là: 15.533.630.560 đồng trong khoảng thời gian từ 09/5/2007 đến 17/8/2007 theo các Bảng kê rút vốn. Quá trình vay vốn, cho đến giữa năm 2011, K thực hiện trả nợ gốc, lãi theo đúng lịch

trả nợ đã cam kết trong Hợp đồng tín dụng và các phụ lục hợp đồng tín dụng kèm theo. Tuy nhiên, kể từ tháng 7/2011, K đã dừng hẳn việc trả nợ gốc, lãi vay cho P. Tính đến thời điểm 25/7/2016, tình trạng dư nợ vay của K đối với P theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết nói trên như sau:

- Dư nợ gốc: **3.053.630.560 đồng**

- Dư nợ lãi cộng dồn: **2.235.938.764 đồng**

- Phí trả chậm cộng dồn: **244.216.053 đồng**

Tổng cộng: 5.533.785.377 đồng

- Tình trạng nợ: Khoản vay đã quá hạn trên 360 ngày, xếp nhóm nợ 5 (Nợ có khả năng mất vốn).

Từ khi K bắt đầu ngừng thanh toán tiền gốc, lãi, phía P đã nhiều lần tiến hành làm việc, đôn đốc trả nợ nhưng càng về sau K lại càng cố tình không hợp tác, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ mặc dù P đã tiến hành nhiều biện pháp để thu hồi nợ nhưng không có kết quả. Nghiêm trọng hơn, những tài sản hình thành từ vốn vay bị che giấu, di chuyển để tránh sự kiểm tra, giám sát của P và sử dụng không theo cam kết và mục đích vay vốn.

*** Yêu cầu khởi kiện**

Do việc K có những động thái cho thấy rõ ràng việc không muốn trả nợ cho P:

- Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 150/2006/953 ngày 14/7/2006 được ký giữa P và K và các Phụ lục kèm theo;

- Hợp đồng bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay số 567323; Sổ đăng ký tại NH: 2006/953/HĐTC ngày 14/7/2006 và các Phụ lục kèm theo giữa P và K (Tài sản đã đăng ký giao dịch đảm bảo tại Trung tâm đăng ký giao dịch đảm bảo tại E ngày 02/10/2007);

- Căn cứ Điều 336, Điều 338, Điều 355 của Bộ luật dân sự 2005;

- Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2005.

Để đảm bảo quyền lợi của nguyên đơn, Ngân hàng Akhởi kiện Công ty cổ phần K ra trước Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội để đề nghị giải quyết những vấn đề sau:

- Yêu cầu Công ty cổ phần K sử dụng mọi nguồn thu để thanh toán toàn bộ dư nợ gốc, lãi vay, phí phạt quá hạn theo Hợp đồng tín dụng số 150/2006/953 ngày 14/7/2006 tính đến ngày 25/7/2016 như sau:

Dư nợ gốc: 3.053.630.560 đồng

Dư nợ lãi cộng dồn: 2.235.938.764 đồng

Phí trả chậm cộng dồn: 244.216.053 đồng

Tổng cộng: 5.533.785.377 đồng.

Thanh toán toàn bộ tiền lãi, phí quá hạn phát sinh từ ngày 25/7/2016 theo Hợp đồng tín dụng số 150/2006/953 ngày 14/7/2006 cho đến ngày Công ty cổ phần K thanh toán hết toàn bộ số dư nợ tại P.

- Xử lý các tài sản của Công ty cổ phần K (gồm các tài sản đã thế chấp và chưa thế chấp tại ngân hàng A chi nhánh P) để trả nợ đầy đủ cho Ngân hàng A – chi nhánh P:

Bị đơn là Công ty cổ phần K (K) đã được Tòa án tiến hành tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng K đã không còn hoạt động tại địa chỉ trụ sở đã đăng ký. Do đó, Tòa án không tiến hành được các thủ tục tố tụng đối với K theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Ngân hàng Q vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình về việc đề nghị buộc K phải thanh toán số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký tính đến ngày 16/11/2017 là: **6.301.264.524 đồng** trong đó bao gồm **3.053.630.560 đồng** nợ gốc và **2.764.132.028 đồng** dư nợ lãi cộng dồn, **483.501.936 đồng** phí trả chậm cộng dồn. Nếu K không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, P có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để trả nợ cho P theo Hợp đồng bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay số 567323; Số đăng ký tại ngân hàng: 2006/953/HĐTC ngày 14/7/2006 giữa P và K đã được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Trung tâm đăng ký giao dịch đảm bảo tại E.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành theo đúng quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 234 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72, Điều 75 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2017/QĐXXST ngày 06 tháng 9 năm 2017 và tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho P và K và những người tham gia tố tụng khác theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa K vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, đ khoản 2 điều 227, điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự để xét xử vắng mặt K.

Về thời hiệu khởi kiện: Thời hạn của hợp đồng tín dụng số 150/2006/953 ngày 14/7/2006 giữa K với P là 60 tháng (từ ngày 14/7/2006 đến ngày 14/7/2011). Ngày 17/8/2016, Ngân hàng A đã nộp đơn cho Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm để khởi kiện K yêu cầu thanh toán nợ là nằm trong thời hiệu và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm.

Về nội dung: K có xác lập hợp đồng tín dụng với Ngân hàng A cụ thể như sau: K có ký kết Hợp đồng tín dụng số 150/2006/953 ngày 14/7/2006 và các phụ lục kèm theo với Ngân hàng A, chi nhánh P với số tiền vay tối đa là 16.000.000.000 đồng nhưng không quá 70% tổng giá trị dự án, thời hạn vay vốn là 60 tháng với mục đích vay vốn là P tài trợ vốn cho K đầu tư mua máy móc phục vụ dự án “đầu tư máy, thiết bị nâng cao năng lực thi công: Khoan nổ, bóc xúc và vận chuyển đất đá”. Thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên, P đã tiến hành giải ngân cho K với số tiền giải ngân thực tế là 15.533.630.560 đồng trong khoảng thời gian từ 09/5/2007 đến 17/8/2007.

Việc ký hợp đồng tín dụng 150/2006/953 ngày 14/7/2006 và các phụ lục kèm theo với Ngân hàng A, chi nhánh P là phù hợp với quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu K thanh toán 3.053.630.560 đồng nợ gốc. Xét thấy trong giao dịch kinh doanh thương mại nêu trên K là người vi phạm hợp đồng (vi phạm nghĩa vụ thanh toán). Do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A. Buộc K phải thanh toán cho Ngân hàng A số nợ gốc của hợp đồng tín dụng kèm theo các phụ lục hợp đồng nêu trên là 3.053.630.560 đồng.

Xét yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc K thanh toán 3.247.633.964 đồng tiền lãi đối với các khoản vay theo hợp đồng tín dụng kèm

theo các phụ lục hợp đồng trên, trong đó dư nợ lãi cộng dồn là 2.764.132.028 đồng, phí trả chậm cộng dồn là 483.501.936 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Khi ký kết hợp đồng tín dụng và các phụ lục hợp đồng hai bên đã thỏa thuận với nhau thời hạn vay, lãi suất vay... theo đúng quy định của điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Do đó cần chấp nhận buộc K thanh toán khoản tiền lãi cho Ngân hàng Atính đến ngày 16/11/2017 là 3.247.633.964 đồng

Xét Hợp đồng bảo đảm tài sản hình thành từ vốn số 6573243 ngày 14/7/2006 giữa P và K:

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là:

- 01 máy ủi bánh xích nhãn hiệu Caterpillar (theo tờ khai nhập khẩu số 470/NK/KD ngày 02/5/2007), số khung BMK 00554, số máy 4ZF 24178

- 01 chiếc máy đào thủy lực nhãn hiệu Caterpillar (theo hóa đơn VAT số 0242211 ngày 04/5/2007), số khung: CAT 320CCLGNG 02806, số máy: MAE02055.

- 01 chiếc máy xúc đào Komatsu (theo hóa đơn VAT số 0054477 ngày 04/5/2007), số khung: 74684, số động cơ: 6D102-26403805)

- 02 chiếc máy khoan thủy lực Furukawa HCR 1200-DS sử dụng cần T45 (theo hóa đơn số 0010750 ngày 30/5/2007, hóa đơn số 0013207 ngày 18/6/2007), model: HCR 1200-DS, số seri: 231110, số seri 2311105

- 01 máy đo toàn đạc điện tử nhãn hiệu Sẻ 530R (theo hóa đơn số 0020805 ngày 04/7/2007), số máy 155745

- 01 máy đào bánh lốp gầu nghịch nhãn hiệu SOLAR (theo tờ khai hải quan số 6457/NK/KD ngày 19/7/2007), số khung: 65003731, số máy 609905

- 01 máy đào CAT nhãn hiệu Caterpillar (theo tờ khai số 4838 ngày 26/6/2007), số khung: BWY00130, số máy: MHX00944

- 01 chiếc ô tô tải Ben nhãn hiệu CNHTC, đăng ký ô tô tải số: 29LD-4306 do Công an E cấp ngày 26/7/2007, số khung: 144648, số máy: 07051720257

- 01 ô tô tải Ben nhãn hiệu CNHTC, đăng ký xe ô tô tải số 29LD-4406 do Công an E cấp ngày 26/7/2007, số khung: 144646, số máy: 07051713867

- 01 ô tô tải Ben nhãn hiệu CNHTC, đăng ký xe ô tô tải số: 29LD-4258 do Công an E cấp ngày 26/7/2007, số khung: 144647, số máy: 07051718457

- 01 ô tô tải Ben nhãn hiệu CNHTC, đăng ký xe ô tô tải số: 29LD-4273 do Công an E cấp ngày 26/7/2007, số khung: 144645, số máy: 07051713987

- 01 ô tô tải Ben nhãn hiệu CNHTC, đăng ký xe ô tô tải số: 29LD-4382 do Công an E cấp ngày 26/7/2007, số khung: 144644, số máy: 07051718337

Tất cả những tài sản nói trên đều được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Trung tâm đăng ký giao dịch đảm bảo tại E ngày 02/10/2007.

Hợp đồng bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay số 567323, số đăng ký tại NH: 2006/953/HĐTC ngày 14/7/2006 và các Phụ lục kèm theo giữa P và K(tài sản đã đăng ký giao dịch đảm bảo tại Trung tâm đăng ký giao dịch đảm bảo tại E ngày 02/10/2007)

Hợp đồng thế chấp trên được ký kết tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật cả về nội dung và hình thức. Do vậy, hiệu lực của Hợp đồng ràng buộc quyền và nghĩa vụ các bên. Vì thế, trong trường hợp K không thanh toán được số tiền trên cho Ngân hàng A thì Ngân hàng A có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự phát mại tài sản nêu trên để đảm bảo khoản nợ của K tại Ngân hàng A.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng
- Khoản 1 Điều 30; Điều 147; điểm b, đ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án năm 2009

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A đối với Công ty cổ phần K.

Buộc Công ty cổ phần K phải thanh toán cho Ngân hàng A tổng số tiền: **6.301.264.524 đồng** trong đó bao gồm **3.053.630.560 đồng** nợ gốc và **3.247.633.964 đồng** nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng số 150/2006/953 ngày 14/7/2006 và các Phụ lục kèm theo.

Kể từ ngày kế tiếp sau ngày xét xử sơ thẩm người phải thi hành án tiếp tục chịu lãi suất đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng tương ứng với thời gian trậm trả, cho đến khi trả nợ xong gốc.

Nếu Công ty cổ phần K không thanh toán đầy đủ số tiền nêu trên, Ngân hàng A có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự phát mại tài sản các tài sản đã thế chấp tại ngân hàng A chi nhánh P của Công ty cổ phần K để trả hết nợ cho Ngân hàng A.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Công ty cổ phần K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là **114.301.625 đồng**

Hoàn trả cho Ngân hàng Asố tiền tạm ứng án phí **56.750.000 đồng** đã nộp tại biên lai số AK/2010/0006637 ngày 21/10/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Toà tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận :

- TAND Thành phố HN.
- VKS Q.Nam Từ Liêm, VKS Hà Nội.
- Thi hành án Q.Nam Từ Liêm.
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà